| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v "*Ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Trịnh Tôn Nám

Bà Ký Bé Lài

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1953 (có mặt).

Nơi cư trú: số X đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 1990 đến nay. Ông xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc vì vợ chồng không còn chung sống với nhau trong thời gian dài nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có hai người con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1983, hai người con chung đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Tr tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: có hai người con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1983, hai người con chung đã trưởng thành và đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1980 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị T xác lập mối quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị T vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông Tr giữ yêu cầu ly hôn với bà T vì cho rằng vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Tại bản tự khai ngày 07 tháng 5 năm 2018 bà T cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Tr và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Tr và bà T có hai người con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1983, hai người con chung của ông Tr và bà T đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Tr phải nộp 300.000đ, ông Tr đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị T.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007054 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , ông Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

---

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Việt Triều**